TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:18/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 27/9/2017.
"V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Hồng Trường**
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Thế Hằng**
2. Ông **Y Nik Êban**

- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà **Phạm Thị Hải Lý**

Chức vụ: Thư ký Toà án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:*

Ông Hồ Xuân Thắng. Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 27/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện EaKar. Toà án nhân dân huyện EaKar mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 167/2017/TLST-HNGĐ, ngày 23/5/2017. Về việc: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2017/QĐST- HNGĐ, ngày 11/9/2017.

Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Ông Trần Đình B Sinh năm: 1982
Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. **Bị đơn**: Bà Hồ Thị H Sinh năm: 1983
Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22/5/2017, tại bản tự khai lập ngày 16/6/2017, trong quá trình hòa giải và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn ông Trần Đình B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với bà Hồ Thị H vào năm 2005, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Nhưng đến ngày 16/4/2008 vợ chồng chúng tôi mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện EaKar. Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, có xảy ra một vài mâu thuẫn nhỏ. Đến ngày 26/7/2014 bà Hồ Thị H đã tự ý bỏ nhà đi đến nay không về, tôi không biết nguyên nhân, lý do tại sao. Khi đi bà H không báo cho gia đình và chính quyền địa phương biết, mặc dù tôi và gia đình đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng vẫn không biết bà H hiện nay đang làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết. Vì vậy, ngày 14/11/2016 tôi

đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật để tuyên bố bà Hồ Thị H mất tích. Sau khi Tòa án làm các thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không thấy bà H trở về. Nên vào ngày 25/4/2017 Tòa án nhân dân huyện EaKar đã ra quyết định tuyên bố bà Hồ Thị H mất tích. Tại quyết định tuyên bố một người mất tích số 01/2017/QĐDS - ST, ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện EaKar.

Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Trần Đình B có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với bà Hồ Thị H.

- Về con chung: Ông Trần Đình B xác nhận, trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi có 02 (hai) con chung, các cháu tên là: Trần Ngọc A sinh ngày 15/8/2007 và cháu Trần Ngọc Á sinh ngày 18/02/2010.

Nguyện vọng về con chung: Ông B có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Trần Ngọc A sinh ngày 15/8/2007 và cháu Trần Ngọc Á sinh ngày 18/02/2010 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Và không yêu cầu bà Hồ Thị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung kể cả trong trường hợp bà H có quay trở về.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Ông Trần Đình B xác nhận, trong quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung và không có tài sản cho người khác vay. Vì vậy, tôi không yêu cầu Toà án đề cập giải quyết.

Đối với bị đơn bà Hồ Thị H mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện EaKar tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhiều lần nhưng bà Hồ Thị H không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Đồng thời qua xác minh, làm việc với ban tự quản thôn Thanh Phong, xã Xuân Phú và chính quyền địa phương xã Xuân Phú, huyện EaKar đã xác định: Bị đơn bà Hồ Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thanh Phong, xã Xuân Phú, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên bà H đã bỏ đi khỏi địa phương vào khoảng tháng 7/2014 đến nay không về, khi đi bà H không báo cho gia đình và chính quyền địa phương biết, vì vậy chính quyền địa phương không biết bà H hiện nay đang làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết. Căn cứ vào các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành hòa giải vắng mặt đối với bị đơn bà Hồ Thị H.

Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2017, Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn bà Hồ Thị H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Qua quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trần Đình B vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn bà Hồ Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 48, Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về

phiên toà sơ thẩm, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn bà Hồ Thị H đã được Tòa án tuyên bố mất tích, theo quyết định giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 01/2017/QĐDS-ST, ngày 25/4/2017, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Đình B, cho ông Trần Đình B được ly hôn với bà Hồ Thị H.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao hai cháu là Trần Ngọc A sinh ngày 15/8/2007 và cháu Trần Ngọc Á sinh ngày 18/02/2010 cho ông Trần Đình B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu A và Á đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Ông Trần Đình B xác nhận, trong quá trình chung sống với bà Hồ Thị H vợ chồng ông B, bà H không có tài sản chung, không có nợ chung và không có tài sản cho người khác vay, nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết. Vì vậy, không yêu cầu Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của ông Trần Đình B đề ngày 22/5/2017, Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình", được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện EaKar đã tiến hành niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2017/QĐST- HNGĐ, ngày 11/9/2017 cho bị đơn bà Hồ Thị H. Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay bị đơn bà Hồ Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Hồ Thị H.

- Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình B quen biết, tìm hiểu và quyết định

xây dựng gia đình với bà Hồ Thị H trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện EaKar vào ngày 16/4/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ, sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, có phát sinh một vài mâu thuẫn nhỏ, cho đến ngày 26/7/2014 bà Hồ Thị H đã tự ý bỏ nhà ra đi đến nay không về. Ông B và gia đình đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không rõ tung tích của bà H. Vì vậy, vào ngày 14/11/2016 ông B đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện EaKar tuyên bố bà Hồ Thị H mất tích. Sau khi Tòa án làm các thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không thấy bà H trở về. Nên vào ngày 25/4/2017 Tòa án nhân dân huyện EaKar đã ra quyết định tuyên bố bà Hồ Thị H mất tích. Sau khi Tòa án tuyên bố bà H mất tích cho đến nay ông B vẫn không thấy bà H trở về.

Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông B có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với bà Hồ Thị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để cho ông Trần Đình B được ly hôn với bà Hồ Thị H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Trần Đình B và bà Hồ Thị H có hai con chung, các cháu tên là Trần Ngọc A sinh ngày 15/8/2007 và cháu Trần Ngọc Á sinh ngày 18/02/2010. Bà Hồ Thị H đã được Tòa án tuyên bố mất tích, theo quyết định giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 01/2017/QĐDS - ST, ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện EaKar. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của hai cháu là cháu A và cháu Á, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao hai cháu là Trần Ngọc A sinh ngày 15/8/2007 và cháu Trần Ngọc Á sinh ngày 18/02/2010 cho ông Trần Đình B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của ông Trần Đình B cũng như nguyện vọng của hai cháu Trần Ngọc A và cháu Trần Ngọc Á.

Ông Trần Đình B không yêu cầu bà Hồ Thị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung kể cả trong trường hợp bà H có quay trở về. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Trong trường hợp bà Hồ Thị H trở về thì bà H được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Trong quá trình chung sống ông Trần Đình B và bà Hồ Thị H không có tài sản chung, không có nợ chung và không có tài sản cho người khác vay, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Ông Trần Đình B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 71, Điều 72, khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đình B.

- **Về quan hệ hôn nhân**: Cho ông Trần Đình B được ly hôn với bà Hồ Thị H.

- **Về con chung**: Giao hai cháu là Trần Ngọc A sinh ngày 15/8/2007 và cháu Trần Ngọc Á sinh ngày 18/02/2010 cho ông Trần Đình B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu A và Á đủ 18 tuổi.

Ông Trần Đình B không yêu cầu bà Hồ Thị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung kể cả trong trường hợp bà H có quay trở về. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Trong trường hợp bà Hồ Thị H trở về thì bà H được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay**: Trong quá trình chung sống ông Trần Đình B và bà Hồ Thị H không có tài sản chung, không có nợ chung và không có tài sản cho người khác vay, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- **Về án phí**: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc nguyên đơn ông Trần Đình B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà ông Trần Đình B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002742, ngày 22/5/2017.

Nguyên đơn ông Trần Đình B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Hồ Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện EaKar
- Chi cục THADS huyện EaKar
- UBND xã Xuân Phú, huyện EaKar
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Hồng Trường